

Hệ tư tưởng: Nguồn gốc, nội hàm

Đinh Thị Phương^(*)

Tóm tắt: Hơn 2 thế kỷ ra đời đến nay, “hệ tư tưởng” vẫn là một trong những khái niệm khó nắm bắt và lý giải. De Tracy, Napoleon là những đại diện tiêu biểu và đầu tiên sử dụng thuật ngữ “hệ tư tưởng” với hàm nghĩa “lành mạnh” và “không lành mạnh”. K. Marx và F. Engels cũng đã khách quan thừa nhận hai hàm nghĩa trên. Bài viết tìm về nguồn gốc xuất hiện thuật ngữ “hệ tư tưởng”, đồng thời làm rõ nội hàm khái niệm “hệ tư tưởng” của K. Marx trên cơ sở phân tích các đặc trưng cơ bản của “hệ tư tưởng”, bao gồm: sự thống nhất giữa tính ảo tưởng và tính chân thực, sự thống nhất giữa lợi ích riêng và lợi ích chung, tính giai cấp, tính lịch sử độc lập tương đối... Qua đó, khẳng định trong xã hội có giai cấp, “hệ tư tưởng” đồng nhất với kiến trúc thượng tầng quan niệm và trở thành vũ khí lý luận bảo vệ quyền lực và quyền lợi kinh tế của giai cấp thống trị.

Từ khóa: Hệ tư tưởng, Khoa học về tư tưởng, Kiến trúc thượng tầng, De Tracy, Napoleon, K. Marx, F. Engels

“Hệ tư tưởng” là khái niệm có nhiều cách lý giải khác nhau và chưa thống nhất. Nhà tâm lý học người Mỹ McClelland từng khẳng định: “Hệ tư tưởng” là khái niệm khó nắm bắt nhất trong toàn bộ khoa học xã hội” (D. McClelland, 2005, tr.1). Xuất phát từ lập trường, góc độ phân tích, tiếp cận khác nhau, thậm chí ở các quốc gia khác nhau “hệ tư tưởng” có nội hàm, đặc trưng và chức năng khác nhau. Để có thể giải thích và định nghĩa khái niệm “hệ tư tưởng” một cách khoa học, chúng ta cần truy về nguồn gốc xuất hiện và làm rõ nội hàm của khái niệm “hệ tư tưởng”.

^(*) ThS., NCS. Khoa Triết học và Quản lý công, Trường Đại học Liêu Ninh, Trung Quốc; Email: noraininthestepe@gmail.com

1. Nguồn gốc khái niệm “hệ tư tưởng”

Trong tiếng Pháp, thuật ngữ “hệ tư tưởng” (idéologie) do hai bộ phận là idéo và hậu tố -logie hợp thành. Trong tiếng Hy Lạp, idéo chính là *ιδέα*, có nghĩa là tư tưởng hoặc quan niệm; hậu tố -logie chính là -λογία (lý luận, lý tính). Hậu tố -logie đứng sau tiền tố có tác dụng chỉ một ngành khoa học, một học thuyết. Và như vậy, phân tích từ sự cấu thành của từ vựng thì “hệ tư tưởng” có nghĩa ban đầu là “quan niệm luận” hoặc “quan niệm học” (Zhou MinFeng, 2008, tr.36).

Theo giải thích trong *Tân từ điển xã hội học* do D. K. Mitchell chủ biên (G. D. Mitchell, 1986, tr.168), các kết quả nghiên cứu về “hệ tư tưởng” đều cho rằng người sử dụng khái niệm “hệ tư

tưởng” sớm nhất chính là nhà tư tưởng, nhà triết học thời kỳ đại cách mạng Pháp Antoine Destutt De Tracy (1754-1836). Ông chính là người đưa ra khái niệm “hệ tư tưởng” trong lịch sử triết học phương Tây. Thuật ngữ “hệ tư tưởng” lần đầu tiên được De Tracy chính thức sử dụng trong tác phẩm *Những thành phần của hệ tư tưởng* xuất bản năm 1801-1815, để biểu đạt học thuyết về các nguyên tắc phổ biến và các quy luật phát sinh của tư tưởng - một bộ môn khoa học mới, “khoa học về tư tưởng” được ông gọi là Ideology.

Nhiệm vụ cơ bản của “khoa học về tư tưởng” là nghiên cứu nguồn gốc, ranh giới và tính tin cậy của tư duy. De Tracy cho rằng, chỉ cần “hệ tư tưởng” thâm nhập vào bên trong con người thì con người có thể vứt bỏ được thành kiến và sai lầm vô căn cứ. Theo De Tracy, “hệ tư tưởng” không chỉ là lý luận giải thích thuần túy mà còn gánh vác sứ mệnh cứu vãn loài người và phục vụ loài người, làm cho loài người thoát khỏi thành kiến. Sử dụng khái niệm “hệ tư tưởng” vào thời kỳ đầu của thế kỷ XIX khi phong trào Khai sáng đang còn ảnh hưởng mạnh mẽ, cũng như nhiều nhà tư tưởng cùng thời, De Tracy hoàn toàn tin tưởng rằng chính phong trào Khai sáng đã giải phóng con người, giải phóng tính cách con người, nhân quyền thay thế cho thần quyền, lý tính khoa học thay thế cho chủ nghĩa tín ngưỡng và lòng tin mù quáng. Nhờ ảnh hưởng của phong trào Khai sáng mà con người luôn hướng đến các giá trị tự do, bình đẳng, bác ái. Có thể khẳng định phong trào Khai sáng đã tấn công vào cơ sở vững chắc nhất của đêm trường Trung cổ. Đây là động lực quan trọng thúc đẩy sự ra đời khái niệm “hệ tư tưởng”.

Là người theo chủ nghĩa duy cảm, De Tracy luôn đề cập đến các khái niệm: tri giác, hồi tưởng, phán đoán, ý muốn. Ông cho rằng, mọi hoạt động tư tưởng của chúng ta chỉ là hoạt động của hệ thống thần kinh và sự sáng tạo của cảm giác mà thôi. Cơ sở và điểm xuất phát trong quan niệm của De Tracy là từ thế giới bên ngoài mà con người có được kinh nghiệm cảm giác. Nói cách khác, con người thông qua cơ quan cảm giác mà có được kinh nghiệm cảm giác. Trong lý luận về “hệ tư tưởng” của De Tracy không chỉ bao hàm lý luận nhận thức triết học và khoa học ngôn ngữ, mà còn có mối quan hệ mật thiết giữa con người với hiện thực. Đây chính là điều mà De Tracy muốn thiết lập cơ sở lý luận cho các lĩnh vực như: kinh tế, chính trị, đạo đức, tôn giáo.

Học thuyết của De Tracy đã được nhà chính trị người Pháp Napoleon ủng hộ. Trong thời gian đầu nắm quyền, Napoleon và các nhà tư tưởng giữ mối quan hệ hòa thuận. Trong khi Napoleon có ý đồ xây dựng tôn giáo, khôi phục lại chế độ quân chủ thì các nhà tư tưởng lại có thái độ phê phán và phủ định tôn giáo, thái độ này không chỉ đe dọa tôn giáo mà còn đe dọa quyền uy của cả những người không theo tôn giáo. Quan niệm của De Tracy đã gặp phải chỉ trích của Napoleon. Ông gọi De Tracy là nhà tư tưởng “thoát ly thực tế”, “nhà không tưởng” với quan niệm hư cấu. Đặc biệt năm 1812, thất bại của nước Pháp trong cuộc chiến tranh với nước Nga đã bị quy kết do sự mê hoặc học thuyết của “các nhà tư tưởng”. Napoleon công khai chỉ trích rằng các nhà tư tưởng không chỉ sai lầm trong nhận thức hiện thực chính trị và xã hội mà còn là những “người phá hoại” trật tự nhà nước, tôn giáo. Từ đó, hàm nghĩa của “hệ tư tưởng” đã có

sự thay đổi từ nghĩa “lạnh mạnh” sang “không lạnh mạnh”. Sau này, thuật ngữ “hệ tư tưởng” được sử dụng khá rộng rãi ở các nước như: Pháp, Đức, Anh, Italia... Tuy nhiên vẫn tồn tại song song hai nghĩa là “lạnh mạnh” và “không lạnh mạnh”, cũng thích hợp với hai nghĩa “nhà tư tưởng” và “nhà không tưởng”. Chính sự chuyển biến từ hàm nghĩa “lạnh mạnh” sang “không lạnh mạnh” đã làm cho khái niệm này về sau được các nhà tư tưởng và nhà triết học ở mỗi quốc gia lý giải theo những cách khác nhau tùy thuộc vào góc độ tiếp cận và phương pháp phân tích.

“Trong các tác phẩm của K. Marx và F. Engels, khái niệm “hệ tư tưởng” có địa vị mới, trở thành phương tiện phê phán và là một bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống lý luận mới” (John B. Thompson, 2012, tr.36). Hai tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* và *Lời tựa góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị* đã thể hiện tập trung nhất cách lý giải của K. Marx và F. Engels về “hệ tư tưởng”.

Trong *Hệ tư tưởng Đức*, K. Marx dùng phương pháp luận chiến với mục đích làm sáng tỏ quan điểm của phái Hegel trẻ, vì vậy “hệ tư tưởng” được dùng như từ mang nghĩa phê phán. Quan điểm của phái Hegel trẻ cho rằng: “Những quan niệm, ý niệm, khái niệm, nói chung những sản phẩm của ý thức mà họ gán cho là có một sự tồn tại độc lập, đều là những xiềng xích thực sự đối với con người, giống như phái Hegel già tuyên bố rằng chúng là những sợi dây ràng buộc thực sự đối với xã hội loài người” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.27). Phái Hegel trẻ đã dùng khái niệm để phản đối khái niệm, dùng ngôn từ để phản đối ngôn từ. Kết quả là họ chẳng làm thay đổi

được gì trong hiện thực mà chỉ mang lại cách giải thích khác về hiện thực. Nói cách khác, sự đấu tranh của họ không có sức mạnh cải tạo hiện thực. Ở đây, khái niệm “hệ tư tưởng” đã trở về với nghĩa mà Napoleon dùng để chỉ những tư tưởng xa rời thực tế, thoát ly khỏi hoàn cảnh lịch sử, chính trị - xã hội. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, thông qua phê phán triết học Đức hiện đại qua các đại diện tiêu biểu (Feuerback, B. Bauer, Stirner), K. Marx không những đưa “hệ tư tưởng Đức” trở thành đối tượng phân tích đặc biệt mà còn đưa “hệ tư tưởng thông thường” trở thành đối tượng phân tích phổ biến. Và “hệ tư tưởng thông thường” được chúng ta thường gọi là “hệ tư tưởng”. Tuy nhiên, K. Marx chưa chỉ rõ cho chúng ta biết khái niệm “hệ tư tưởng” là gì. Khi đề cập đến xã hội công dân, K. Marx có nhắc đến “kiến trúc thượng tầng tư tưởng” và khi phê phán sở hữu tư nhân và cạnh tranh, ông đề cập đến khái niệm “tất cả kiến trúc thượng tầng tư tưởng”. Ở đây, “tất cả kiến trúc thượng tầng tư tưởng” chúng ta có thể hiểu là: “kiến trúc thượng tầng” tức là toàn bộ quan niệm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, v.v.....

Trong *Lời tựa góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*, có hai đoạn trích tiêu biểu bàn về “hệ tư tưởng”. *Thứ nhất*: “Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 13, 2004, tr.15); *Thứ hai*: “Cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng. Khi xét những cuộc

đảo lộn ấy, bao giờ cũng cần phân biệt cuộc đảo lộn vật chất - mà người ta có thể xác nhận với một sự chính xác của khoa học tự nhiên - trong những điều kiện kinh tế của sản xuất, với những hình thái pháp lý, chính trị, tôn giáo, nghệ thuật hay triết học, tóm lại, với những hình thái tư tưởng trong đó con người ý thức được cuộc xung đột ấy và đấu tranh để giải quyết cuộc xung đột ấy” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 13, 2004, tr.15). Trong hai đoạn trích trên, K. Marx dùng “*hình thái ý thức*” (hình thái biểu hiện của tinh thần hay ý thức loài người) và “*hình thái tư tưởng*” (toàn bộ hình thái pháp lý, chính trị, tôn giáo, nghệ thuật hay triết học...) để lý giải trực tiếp về “hệ tư tưởng”. Như vậy, “hệ tư tưởng” là một khái niệm có tính tổng thể bao gồm các hình thái tư tưởng như tư tưởng chính trị, tư tưởng pháp lý, tư tưởng đạo đức, tư tưởng triết học, tư tưởng nghệ thuật, tư tưởng tôn giáo, v.v... được hình thành trên cơ sở kinh tế-xã hội nhất định và phản ánh cơ sở kinh tế-xã hội đó.

Từ De Tracy, Napoleon đến K. Marx, khái niệm “hệ tư tưởng” có sự chuyển biến từ hàm nghĩa “lành mạnh”, “tích cực” sang “không lành mạnh”, “không tích cực”. Nếu các nhà triết học Marx phương Tây bám vào hàm nghĩa “không lành mạnh” để lý giải “hệ tư tưởng” thì ngược lại triết học Marx đều khách quan khẳng định cả hai hàm nghĩa này.

2. Nội hàm cơ bản của khái niệm “hệ tư tưởng” của K. Marx

Là khái niệm có tính tổng thể phản ánh xã hội có giai cấp, “hệ tư tưởng” được đồng nhất với kiến trúc thượng tầng tư tưởng và trở thành vũ khí lý luận quan trọng của giai cấp thống trị,

bảo vệ lợi ích kinh tế giai cấp và quyền lực địa vị thống trị. Các kết quả nghiên cứu về “hệ tư tưởng” đều thống nhất cho rằng, “hệ tư tưởng” có tính ảo tưởng, tính giai cấp và đặc biệt là không có tính độc lập tuyệt đối. Dưới đây xin phân tích một số đặc trưng cơ bản của “hệ tư tưởng”.

Thứ nhất, sự thống nhất giữa tính ảo tưởng và tính chân thực của “hệ tư tưởng”

Đặc trưng tồn tại nhất của “hệ tư tưởng” là tính ảo tưởng. Trong Lời tựa tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, K. Marx đã đề cập đến tính ảo tưởng của “hệ tư tưởng”, những ảo tưởng này đã giày vò con người, thống trị con người: “Cho đến nay, con người luôn luôn tạo ra cho mình những quan niệm sai lầm về bản thân, về mình hiện đang là như thế hoặc sau này sẽ là như thế nào. Họ đã xây dựng những quan hệ của họ căn cứ vào những quan niệm của họ về thần, về kiểu mẫu của con người, v.v... Những sản phẩm của bộ óc của họ đã trở thành kẻ thống trị họ. Là những người sáng tạo, họ lại phải cúi mình trước những cái họ sáng tạo ra” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.19). Tại sao “hệ tư tưởng” lại có đặc trưng này? Đi sâu phân tích lợi ích, ý chí, mong muốn của giai cấp thống trị, chúng ta mới có thể kết luận rằng “hệ tư tưởng” đó có tính ảo tưởng hay không. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, K. Marx nhấn mạnh: “luật pháp, đạo đức, tôn giáo đều bị người vô sản coi là những thành kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 4, 2004, tr.611). Lý do giải thích tại sao luật pháp, đạo đức, tôn giáo là những thành kiến của giai cấp tư sản thống trị là vì những

thành kiến này phản ánh mối quan hệ xã hội, tuy nhiên đó là phản ánh bị đảo ngược: “ý thức [das Bewußtsein] không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức [das bewußt Sein], và tồn tại của con người là quá trình đời sống hiện thực của con người. Nếu như trong toàn bộ hệ tư tưởng, con người và những quan hệ của họ bị đảo ngược như trong một camera obscura^(*) thì hiện tượng đó cũng sinh ra từ quá trình đời sống lịch sử của con người, hoàn toàn đúng y như hình ảnh đảo ngược của những vật trên vông mạc là sinh ra từ quá trình đời sống thể chất trực tiếp của con người” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.37). Như vậy, có hai nguyên nhân chính làm cho “hệ tư tưởng” thống trị có tính ảo tưởng. Thứ nhất là phản ánh bị đảo ngược và thứ hai là hợp lý hóa lợi ích của giai cấp thống trị. Hai nguyên nhân này song song cùng tồn tại làm cho tính ảo tưởng trở thành đặc trưng không thể thiếu của “hệ tư tưởng” thống trị.

Sự khác biệt lớn của “hệ tư tưởng” mác xít với các “hệ tư tưởng” khác là ở chỗ, tính ảo tưởng trong “hệ tư tưởng” mác xít không mâu thuẫn với tính chân thực. Tính chân thực của “hệ tư tưởng” được thể hiện ngay trong tiền đề xuất phát. Không xuất phát từ tôn giáo, trong *Hệ tư tưởng Đức*, K. Marx khẳng định: “Những tiền đề xuất phát của chúng tôi không phải là những tiền đề tùy tiện, không phải là giáo điều, đó là những tiền đề hiện thực mà người ta chỉ có thể bỏ qua trong trí tưởng tượng thôi. Đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều

kiện do hoạt động của chính họ tạo ra. Như vậy, những tiền đề ấy là có thể kiểm nghiệm được bằng con đường kinh nghiệm thuần túy” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.28-29). Xuất phát từ con người hiện thực luôn hoạt động sản xuất theo một phương thức nhất định và nằm trong những quan hệ xã hội, chính trị nhất định nên “hệ tư tưởng” đúng như nó biểu hiện trong ngôn ngữ của chính trị, của luật pháp, của tôn giáo, của siêu hình học, v.v... phản ánh những quan hệ hiện thực đó. Tính chân thực của “hệ tư tưởng” được kiểm nghiệm bằng kinh nghiệm thuần túy.

Trong “hệ tư tưởng”, tính ảo tưởng và tính chân thực gắn bó chặt chẽ với nhau. Nếu như tính ảo tưởng được giai cấp thống trị sử dụng để che giấu đi lợi ích, ý muốn thì ngược lại tính chân thực làm cho “hệ tư tưởng” trở thành hệ thống lý luận đáng tin cậy. Với sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa Marx - Lenin xứng đáng là “hệ tư tưởng” khoa học, là vũ khí lý luận cho loài người nhận thức và cải tạo thế giới.

Thứ hai, “hệ tư tưởng” với sự thống nhất giữa lợi ích riêng và lợi ích chung

Do có sự phân công lao động xã hội mà xã hội phân chia thành các ngành nghề khác nhau. Có người hoạt động trong lĩnh vực tinh thần, có người hoạt động trong lĩnh vực vật chất. Sản phẩm lao động được phân chia không đồng đều cả về mặt số lượng và chất lượng sẽ tất yếu xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích: lợi ích của cá nhân riêng biệt hay lợi ích của gia đình riêng biệt với lợi ích của tập thể. Lợi ích của tập thể tồn tại với tư cách là “lợi ích chung”. Vì “hệ tư tưởng” có tính ảo tưởng nên lợi ích chung đã

(*) Buồng tối của máy ảnh.

nhANH chóng tách khỏi lợi ích thực tế của cá nhân và tập thể và mang hình thức của cộng đồng ảo. Vì vậy chỉ còn cách biến lợi ích riêng thành lợi ích chung thì giai cấp thống trị mới “hợp lý hóa” được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của giai cấp mình. “Hệ tư tưởng” trở thành công cụ hữu hiệu nhất để đạt được mục đích trên. Do đó, trong “hệ tư tưởng” có sự thống nhất giữa lợi ích riêng và lợi ích chung: “Mỗi giai cấp mới thay thế cho giai cấp thống trị trước mình, muốn thực hiện được mục đích của mình, đều nhất thiết phải biểu hiện lợi ích của bản thân mình thành lợi ích chung của mọi thành viên trong xã hội hay nói một cách trừu tượng: phải gắn cho những tư tưởng của bản thân mình một hình thức phổ biến, phải biểu hiện những tư tưởng đó thành những tư tưởng duy nhất hợp lý, duy nhất có giá trị phổ biến” (C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, *Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.68).

Thứ ba, tính giai cấp của “hệ tư tưởng” và “hệ tư tưởng” của giai cấp thống trị.

“Hệ tư tưởng” bao giờ cũng là của một giai cấp, một bộ phận người nhất định trong xã hội. Xét về nguồn gốc, bản chất thì mọi “hệ tư tưởng” đều bảo vệ lợi ích, ý chí của một giai cấp xã hội nhất định. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, K. Marx khẳng định: “Trong mọi thời đại, những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị. Điều đó có nghĩa là giai cấp nào là lực lượng *vật chất* thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng *tinh thần* thống trị trong xã hội. Giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì cũng chi phối luôn cả những tư liệu sản xuất tinh thần, thành thử nói chung tư tưởng của những người không có tư liệu sản xuất tinh thần

cũng đồng thời bị giai cấp thống trị đó chi phối” (C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, *Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.66). Trong xã hội có phân chia giai cấp, “hệ tư tưởng” của giai cấp thống trị luôn giữ vị trí chủ đạo. Nó điều khiển quan niệm, tư tưởng của giai cấp khác trong xã hội. Không tồn tại cái gọi là “hệ tư tưởng” đứng ngoài giai cấp, đứng trên giai cấp. Giai cấp thống trị luôn gắn với tư tưởng thống trị. Giải thích như thế nào về luận điểm này? Con người luôn là chủ thể tích cực và sáng tạo của mọi sản phẩm vật chất và tinh thần. Giai cấp thống trị cũng là chủ thể tư duy và sáng tạo. Họ sáng tạo ra tư tưởng, ý thức. Khi họ trở thành giai cấp thống trị trong xã hội thì họ có đầy đủ công cụ, điều kiện để che giấu, để “hợp lý hóa”, để thực hiện những tư tưởng thống trị. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, K. Marx một lần nữa khẳng định: “Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị” (C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, *Toàn tập*, Tập 4, 2004, tr.625). Giai cấp thống trị ở bất cứ xã hội nào cũng mong muốn thành lập ra tổ chức đặc biệt để bảo vệ quyền lợi thống trị của mình. Và Nhà nước chính là tổ chức đặc biệt đó, là công cụ hữu hiệu để duy trì sự thống trị. Nhà nước với các công cụ đặc trưng (quân đội, cảnh sát, tòa án...) được ví như cánh tay đắc lực giúp giai cấp thống trị thực hiện được mục đích thống trị của mình. Bất cứ giai cấp nào muốn thoát khỏi sự thống trị đó đều bị trừng phạt.

“Hệ tư tưởng” và giai cấp thống trị luôn gắn bó mật thiết với nhau. “Hệ tư tưởng” trở thành công cụ của giai cấp thống trị, giai cấp thống trị thông qua “hệ tư tưởng” bảo vệ lợi ích và địa vị thống trị của mình. Do vậy, sẽ không

bao giờ tồn tại một “hệ tư tưởng” nào đứng bên ngoài giai cấp. Tách “hệ tư tưởng” ra khỏi giai cấp thống trị chính là chúng ta lại quay về với triết học tư biện.

Thứ tư, “hệ tư tưởng” không có tính độc lập tuyệt đối mà có tính lịch sử tương đối.

Theo K. Marx, chủ thể sản xuất ra “hệ tư tưởng” và cũng là lập trường xuất phát của K. Marx là từ con người đang hành động, có nghĩa là điểm xuất phát của K. Marx là “từ dưới đất đi lên” để có thể sản sinh ra “hệ tư tưởng”. Nó hoàn toàn có thể kiểm nghiệm được bằng con đường kinh nghiệm thuần túy. Hoạt động thực tiễn sản xuất luôn biến đổi đã làm cho con người không ngừng biến đổi. Và như vậy thì dĩ nhiên sản phẩm tư duy của con người - “hệ tư tưởng” cũng biến đổi theo. Theo quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thì hoạt động sản xuất chính là nhân tố làm biến đổi “hệ tư tưởng” chứ không phải ngược lại “hệ tư tưởng” làm biến đổi hoạt động sản xuất vật chất. “Hệ tư tưởng” không phải là không có sự biến đổi, mà là sự biến đổi của “hệ tư tưởng” phụ thuộc vào sự biến đổi của hoạt động sản xuất thực tiễn của con người. Vì vậy, có thể khẳng định “hệ tư tưởng” không có tính độc lập tuyệt đối ngoài lịch sử. Sự phát triển phụ thuộc của nó làm cho nó mất đi tính độc lập thật sự. Lịch sử phát triển của “hệ tư tưởng” chỉ phản ánh lịch sử phát triển của hoạt động thực tiễn của con người, không tồn tại “hệ tư tưởng” nào thoát ly khỏi cuộc sống hiện thực: “Những sự trù tượng này, tách rời khỏi lịch sử hiện thực thì tự bản thân chúng hoàn toàn chẳng có giá trị gì hết” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.39). Do đó, nó mất ngay mọi vẻ độc lập bề ngoài và nó

không có lịch sử, không có sự phát triển. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, K. Marx khẳng định: “Như vậy thì đạo đức, tôn giáo, siêu hình học và những dạng khác của hệ tư tưởng cùng với những hình thái ý thức tương ứng với chúng, liền mất ngay mọi vẻ độc lập bề ngoài. Tất cả những cái đó không có lịch sử, không có sự phát triển; chính con người, khi phát triển sự sản xuất vật chất và sự giao tiếp vật chất của mình, đã làm biến đổi, cùng với hiện thực đó của mình, cả tư duy lẫn sản phẩm tư duy của mình. Không phải ý thức quyết định đời sống mà chính đời sống quyết định ý thức” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.38). Nếu chúng ta tách đạo đức, tôn giáo, siêu hình học và dạng khác của “hệ tư tưởng” cùng những hình thái ý thức tương ứng với chúng ra khỏi quá trình cuộc sống thực tiễn của con người để khảo sát tính độc lập tuyệt đối của chúng, chúng ta cũng sẽ khẳng định rằng “không có lịch sử, không có sự phát triển” bởi chúng mất đi hướng phát triển về phía trước. Thực tế thì đạo đức, tôn giáo, siêu hình học vẫn có lịch sử phát triển thể hiện qua quá trình ra đời và phát triển. Nếu phủ nhận lịch sử phát triển của chúng thì chẳng khác gì chúng ta phủ nhận khoa học đạo đức, siêu hình học... Ở đây, “hệ tư tưởng” không có tính độc lập tuyệt đối được xem xét dưới góc độ phát triển độc lập của “hệ tư tưởng”.

Trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế triết học năm 1844*, K. Marx đã từng khẳng định: “Tôn giáo, gia đình, nhà nước, pháp luật, đạo đức, khoa học, nghệ thuật, v.v... chỉ là những hình thức đặc biệt của sản xuất và phục tùng quy luật chung của sản xuất” (*C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, Toàn tập*, Tập 42, 2004, tr.291). Đoạn trích trên thể hiện tính

lịch sử tương đối của “hệ tư tưởng”. Phân công lao động thành lao động vật chất và lao động tinh thần là tiền đề cho tính lịch sử tương đối của “hệ tư tưởng”: “Phân công lao động chỉ trở thành sự phân công lao động thực sự từ khi xuất hiện sự phân chia thành lao động vật chất và lao động tinh thần. Bắt đầu từ lúc đó, ý thức *có thể* thực sự tưởng tượng rằng nó là một cái gì khác chứ không phải là ý thức về thực tiễn hiện có, rằng nó có thể *thực sự* đại biểu cho cái gì đó mà không đại biểu cho một cái gì hiện thực cả; bắt đầu từ lúc đó, ý thức có khả năng tự giải thoát khỏi thế giới và chuyển sang xây dựng lý luận ‘thuần túy’, thần học, triết học, đạo đức, v.v...” (C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, *Toàn tập*, Tập 3, 2004, tr.45).

* * *

Tại sao trong bối cảnh hiện nay chúng ta cần phải nghiêm túc nghiên cứu về “hệ tư tưởng”? Dưới tác động của xu thế hòa bình và phát triển, xu thế toàn cầu hóa cùng với ảnh hưởng trực tiếp của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, nhiều tư tưởng cũ trở nên không còn phù hợp, nhiều tư tưởng mới đua nhau xuất hiện thâm nhập vào đời sống tinh thần của con người, chi phối trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - cơ sở quyết định trực tiếp sự ra đời và phát triển của “hệ tư tưởng”. Do đó,

chúng ta cần có nhận thức khách quan, đúng đắn về “hệ tư tưởng”, cần phân biệt được đâu là “hệ tư tưởng” chính thống, tiên tiến, khoa học với các “hệ tư tưởng” không chính thống, phản khoa học. Kỳ tích trong công cuộc đổi mới của Việt Nam hiện nay có dấu ấn sâu đậm của “hệ tư tưởng”. “Hệ tư tưởng” Marx-Lenin là ngọn đuốc soi đường cho nhân loại tiến bộ, cho sự nghiệp xây dựng và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, *Toàn tập* (2004), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. D. McLelland (2005), *Hệ tư tưởng*, Nxb. Nhân dân Cát Lâm, Trường Xuân (tiếng Trung).
3. G. D. Mitchell (chủ biên, 1986), *Tân từ điển xã hội học* (dịch giả: Lưu Quang Hoa, Đặng Chí Vĩ), Nxb. Thượng Hải (tiếng Trung).
4. Zhou MinFeng (2008), “Hai nguồn gốc và hai tầng nghĩa khái niệm hệ tư tưởng của K. Marx”, *Tạp chí Nghiên cứu học thuật*, số 8 (tiếng Trung).
5. John B. Thompson (2012), *Hệ tư tưởng và Văn hóa hiện đại*, Nxb. Tập đoàn truyền thông Phụng Hoàng, Nam Kinh (tiếng Trung).